

Số: 105 /2019/VSC

Hải Phòng, ngày 23 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	97,009,895,843	65,956,638,995	31,053,256,848	47

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có nhận được khoản cổ tức năm 2018 từ Công ty CP Cảng Xanh VIP (là Công ty con). Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 tăng 31,053,256,848 đồng, tương ứng với tăng 47% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tiên

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688

ngày 11 tháng 7 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2019.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00133-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		516.601.229.894	424.523.968.595
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	163.393.208.050	184.263.314.045
Tiền	111		45.693.208.050	37.813.314.045
Các khoản tương đương tiền	112		117.700.000.000	146.450.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.439.976.606	231.590.012.829
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	142.289.730.001	74.163.146.831
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.130.488.126	1.088.412.882
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	69.288.787.035	67.061.175.053
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	124.049.299.965	89.595.606.584
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	11	5.849.268.323	5.587.483.917
Hàng tồn kho	141		5.849.268.323	5.587.483.917
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.918.776.915	3.083.157.804
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	7.881.724.683	3.083.157.804
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	37.052.232	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.006.774.147.065	1.033.145.338.449
Các khoản phải thu dài hạn	210		66.300.740.567	88.090.881.026
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	66.247.740.567	88.037.881.026
Phải thu dài hạn khác	216		53.000.000	53.000.000
Tài sản cố định	220		77.144.799.089	83.701.240.470
Tài sản cố định hữu hình	221	12	70.222.945.317	76.164.917.248
<i>Nguyên giá</i>	222		424.350.781.295	425.878.467.368
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(354.127.835.978)	(349.713.550.120)
Tài sản cố định vô hình	227	13	6.921.853.772	7.536.323.222
<i>Nguyên giá</i>	228		12.528.615.791	12.528.615.791
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.606.762.019)	(4.992.292.569)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	852.653.707.286	852.653.707.286
Đầu tư vào công ty con	251		755.075.000.000	755.075.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		97.423.707.286	97.423.707.286
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.674.900.123	8.699.509.667
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.674.900.123	8.699.509.667
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.523.375.376.959	1.457.669.307.044

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		183.786.419.681	126.244.789.609
Nợ ngắn hạn	310		183.756.419.681	126.214.789.609
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	73.987.314.036	35.884.848.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.474.087.722	1.214.456.402
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	8.250.125.643	6.544.320.110
Phải trả người lao động	314		9.586.726.343	17.522.565.048
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.164.000.000	207.764.760
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	58.242.171.501	33.059.932.617
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	30.051.994.436	31.780.901.676
Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	30.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.339.588.957.278	1.331.424.517.435
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.339.588.957.278	1.331.424.517.435
Vốn cổ phần	411	21	551.227.980.000	501.123.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		551.227.980.000	501.123.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	646.734.369.757	646.734.369.757
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.484.716.275	147.425.216.432
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.474.820.432	77.374.954.897
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		97.009.895.843	70.050.261.535
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.523.375.376.959	1.457.669.307.044

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:





Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	294.396.895.643	270.931.251.627
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	244.513.333.494	201.936.364.186
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		49.883.562.149	68.994.887.441
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	65.588.009.249	19.768.240.242
Chi phí tài chính	22		7.821.152	1.696
Chi phí bán hàng	25		70.952.529	85.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.552.923.224	8.992.604.125
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		106.839.874.493	79.685.521.862
Thu nhập khác	31		463.636.362	-
Chi phí khác	32		-	35.372.696
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		463.636.362	(35.372.696)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		107.303.510.855	79.650.149.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.293.615.012	13.693.510.171
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		97.009.895.843	65.956.638.995


Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Trương Lý Thế Anh
 Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:


 Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	107.303.510.855	79.650.149.166
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	12.426.441.381	15.202.807.258
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(112.992.665)	(142.516.398)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.854.160.014)	(19.570.327.397)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	53.762.799.557	75.140.112.629
Biến động các khoản phải thu	09	(100.496.407.287)	(9.664.153.436)
Biến động hàng tồn kho	10	(261.784.406)	(2.861.298.961)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	63.144.984.208	18.455.509.324
Biến động chi phí trả trước	12	(1.975.390.456)	1.989.082.532
		14.174.201.616	83.059.252.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.883.868.474)	(12.921.101.775)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.405.907.240)	(16.918.172.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.115.574.098)	53.219.978.045
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.851.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	463.636.362	-
Tiền chi cho vay	23	(13.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay	24	32.562.528.477	3.895.195.028
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(13.400.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	48.984.458.468	5.537.564.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	65.159.623.307	(3.967.240.366)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	(75.034.397.700)	(50.298.650.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.034.397.700)	(50.298.650.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(20.990.348.491)	(1.045.912.621)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	184.263.314.045	155.214.790.494
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	120.242.496	142.516.398
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)	70	163.393.208.050	154.311.394.271

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 6 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2019: 6 công ty con và 3 công ty liên kết).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 277 nhân viên (1/1/2019: 277 nhân viên).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

5. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.272.581.604	1.193.300.111
Tiền gửi ngân hàng	42.420.626.446	36.620.013.934
Các khoản tương đương tiền	117.700.000.000	146.450.000.000
	<hr/>	<hr/>
	163.393.208.050	184.263.314.045
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Khách hàng là các bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	16.735.894.702	1.136.539.937
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	14.042.825.081	9.361.889.347
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	6.280.180.550	4.928.702.274
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	4.225.477.044	688.431.208
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	1.100.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	30.500.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	16.850.582.540	2.297.016.590
Khách hàng là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	24.832.302.410	8.718.381.481
APL Co., Pte. Ltd	7.575.499.256	10.862.444.897
Công ty TNHH KMTC Việt Nam	6.500.669.718	1.056.346.896
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.881.635.548	4.663.878.411
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	4.558.935.356	5.010.368.048
Công ty Cổ phần Transimex	4.741.910.894	3.425.382.877
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	3.926.297.963	1.305.032.417
Cheng Lie Navigation Company, a brand of APL Co. Pte Ltd	3.117.809.922	-
Yang Ming Marine Transport Corporation	2.500.898.004	-
Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	2.305.029.088	1.529.673.044
Công ty TNHH S5 ASIA	2.060.301.545	2.440.197.067
Các khách hàng khác	16.153.480.380	16.707.262.337
	142.289.730.001	74.163.146.831

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

Khoản gốc cho vay phải thu từ các công ty con

	30/6/2019		1/1/2019			
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (i)	41.817.388.847	3.000.000.000	44.817.388.847	41.817.388.848	23.908.694.423	65.726.083.271
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung (ii)	1.842.105.258	7.631.578.954	9.473.684.212	1.992.271.052	3.947.368.424	5.939.639.476
▪ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh (iii)	4.740.404.042	7.727.272.723	12.467.676.765	6.140.404.042	9.292.929.290	15.433.333.332
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (iv)	20.888.888.888	47.888.888.890	68.777.777.778	17.111.111.111	50.888.888.889	68.000.000.000
	69.288.787.035	66.247.740.567	135.536.527.602	67.061.175.053	88.037.881.026	155.099.056.079

(i) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 0,5%/năm hoặc 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(ii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(iii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi. Trong đó, các khoản cho vay được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng và 54 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Phải thu khác từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	45.649.140.428	41.971.191.760
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	35.958.804.850	23.250.796.957
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	16.386.769.214	15.760.329.689
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.384.266.965	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	912.293.770	1.324.595.146
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	866.266.667	1.097.634.247
	102.157.541.894	83.404.547.799
Các bên thứ ba	21.891.758.071	6.191.058.785
	124.049.299.965	89.595.606.584

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

11. Hàng tồn kho

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
	Giá gốc	
Nguyên vật liệu	5.123.397.109	4.838.811.869
Hàng hóa	725.871.214	748.672.048
	5.849.268.323	5.587.483.917

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	165.508.764.190	12.382.787.273	245.874.348.840	2.112.567.065	425.878.467.368
Tăng trong kỳ	-	5.870.000.000	-	-	5.870.000.000
Thanh lý	-	-	(7.397.686.073)	-	(7.397.686.073)
Số dư cuối kỳ	165.508.764.190	18.252.787.273	238.476.662.767	2.112.567.065	424.350.781.295
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	139.872.789.310	8.598.334.853	199.609.557.117	1.632.868.840	349.713.550.120
Khấu hao trong kỳ	2.788.210.282	663.416.544	8.297.191.679	63.153.426	11.811.971.931
Thanh lý	-	-	(7.397.686.073)	-	(7.397.686.073)
Số dư cuối kỳ	142.660.999.592	9.261.751.397	200.509.062.723	1.696.022.266	354.127.835.978
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	25.635.974.880	3.784.452.420	46.264.791.723	479.698.225	76.164.917.248
Số dư cuối kỳ	22.847.764.598	8.991.035.876	37.967.600.044	416.544.799	70.222.945.317

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 249.407 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 206.574 triệu VND).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.417.853.001	7.110.762.790	12.528.615.791
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	4.992.292.569	4.992.292.569
Khấu hao trong kỳ	-	614.469.450	614.469.450
Số dư cuối kỳ	-	5.606.762.019	5.606.762.019
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.417.853.001	2.118.470.221	7.536.323.222
Số dư cuối kỳ	5.417.853.001	1.504.000.771	6.921.853.772

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 966 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh
 Công ty Cổ phần Container Miền Trung
 Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh
 Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh
 Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Địa chỉ	30/6/2019 và 1/1/2019		Giá gốc (*) VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	
Hải Phòng		100%	40.000.000.000
Đà Nẵng	1.982.500	65%	19.825.000.000
Thành phố Hồ Chí Minh		100%	6.000.000.000
Hải Phòng		100%	90.000.000.000
Hải Phòng	47.025.000	74%	518.850.000.000
Hải Phòng	8.040.000	66,34%	80.400.000.000
			755.075.000.000
Đà Nẵng	1.332.000	31%	14.430.000.000
Hải Phòng	8.820.200	22%	80.991.207.286
Hải Phòng		30%	2.002.500.000
			97.423.707.286
Thành phố Hồ Chí Minh		5%	155.000.000
			852.653.707.286

Đơn vị khác

Công ty TNHH MSC Việt Nam

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.768.283.955	3.931.225.712	8.699.509.667
Tăng trong kỳ	3.882.020.155	6.733.509.337	10.615.529.492
Phân bổ trong kỳ	(3.990.082.683)	(4.650.056.353)	(8.640.139.036)
Số dư cuối kỳ	4.660.221.427	6.014.678.696	10.674.900.123

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Người bán là các bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.718.052.850	2.284.866.904
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	1.976.936.500	487.457.300
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	660.498.300	634.804.775
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	415.818.001	96.074.001
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	221.129.789	377.043.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	2.517.459.391
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	35.629.880.873	7.203.681.503
Người bán là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	7.004.347.905	3.553.238.400
Công ty CP CMA-CGM Việt Nam	3.700.191.622	2.826.320.208
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	6.264.624.951	2.821.226.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	1.717.641.200	2.052.388.250
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	1.521.852.233	1.090.039.918
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Song Nguyễn	451.635.700	642.491.800
Các nhà cung cấp khác	10.704.704.112	9.297.757.246
	73.987.314.036	35.884.848.996

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.083.157.804	20.688.688.448	(15.890.121.569)	7.881.724.683
Thuế thu nhập cá nhân	-	37.052.232	-	37.052.232
	3.083.157.804	20.725.740.680	(15.890.121.569)	7.918.776.915

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	246.238.642	17.223.606.629	(15.890.121.569)	(1.411.905.588)	167.818.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.868.093.158	10.293.615.012	-	(9.883.868.474)	5.277.839.696
Thuế thu nhập cá nhân	650.049.480	3.465.422.817	-	(1.981.271.195)	2.134.201.102
Các loại thuế khác	779.938.830	6.629.697.838	-	(6.739.369.937)	670.266.731
	6.544.320.110	37.612.342.296	(15.890.121.569)	(20.016.415.194)	8.250.125.643

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Phải trả các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	11.103.410.225	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	994.200.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	866.960.364	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	668.072.944	-
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>		
Các khoản thu hộ hãng tàu	39.232.873.052	27.751.673.588
Kinh phí công đoàn	1.607.653.754	1.680.885.225
Cổ tức phải trả	979.732.150	845.673.850
Phải trả khác	2.789.269.012	2.781.699.954
	<hr/>	<hr/>
	58.242.171.501	33.059.932.617
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.780.901.676	37.176.346.979
Trích lập trong kỳ	11.027.000.000	11.793.365.214
Sử dụng trong kỳ	(12.755.907.240)	(14.690.172.268)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	30.051.994.436	34.279.539.925
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	501.123.040.000	36.141.891.246	604.734.369.757	183.508.624.111	1.325.507.925.114
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	65.956.638.995	65.956.638.995
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.000.000.000	(42.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.793.365.214)	(11.793.365.214)
Cổ tức	-	-	-	(50.112.304.000)	(50.112.304.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.228.000.000)	(2.228.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2018	501.123.040.000	36.141.891.246	646.734.369.757	143.331.593.892	1.327.330.894.895
Số dư tại ngày 1/1/2019	501.123.040.000	36.141.891.246	646.734.369.757	147.425.216.432	1.331.424.517.435
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	97.009.895.843	97.009.895.843
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.027.000.000)	(11.027.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	50.104.940.000	-	-	(125.273.396.000)	(75.168.456.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.650.000.000)	(2.650.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2019	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	105.484.716.275	1.339.588.957.278

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	55.122.798	551.227.980.000	50.112.304	501.123.040.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000	50.112.304	501.123.040.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000	50.112.304	501.123.040.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2019		30/6/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	50.112.304	501.123.040.000	50.112.304	501.123.040.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức	5.010.494	50.104.940.000	-	-
Số dư cuối kỳ	55.122.798	551.227.980.000	50.112.304	501.123.040.000

22. Cổ tức

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần và trả cổ tức bằng tiền cho năm 2018 với giá trị 75.168 triệu VND.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.891.736.800	3.891.736.800
Trong vòng hai đến năm năm	15.566.947.200	15.566.947.200
Sau năm năm	21.104.243.546	23.034.118.507
	40.562.927.546	42.492.802.507

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	687.916	15.947.625.092	770.861	17.848.032.466

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	32.756.769.394	26.738.485.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261.640.126.249	244.192.766.204
	294.396.895.643	270.931.251.627

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	31.557.082.145	25.761.322.805
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	212.956.251.349	176.175.041.381
	244.513.333.494	201.936.364.186

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	8.995.923.759	7.490.511.480
Cổ tức và lợi nhuận được chia	56.394.599.893	12.079.815.917
Lãi chênh lệch tỷ giá	197.485.597	197.912.845
	65.588.009.249	19.768.240.242

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.453.056.628	4.589.919.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.532.985.180	3.835.707.357
Chi phí khác	566.881.416	566.977.667
	8.552.923.224	8.992.604.125

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	37.151.065.402	31.064.560.089
Chi phí nhân viên	28.481.979.388	30.694.121.551
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.426.441.381	15.202.807.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.569.280.708	116.095.350.169
Chi phí khác	14.508.442.368	17.957.129.244

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.293.615.012	13.640.752.516
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	52.757.655
	10.293.615.012	13.693.510.171

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	107.303.510.855	79.650.149.166
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.460.702.171	15.930.029.833
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	95.643.691	126.685.866
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(11.278.919.979)	(2.415.963.183)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	16.189.129	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	52.757.655
	10.293.615.012	13.693.510.171

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2019 (năm 2018: 20%).

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Bán hàng hóa	16.653.826.234	13.069.469.886
Cung cấp dịch vụ	1.602.461.962	1.353.509.280
Sử dụng dịch vụ	14.557.301.063	13.407.264.783
Lợi nhuận được chia từ công ty con	13.840.797.893	9.868.665.640
Nhận tiền trả gốc vay	2.965.656.567	1.955.555.556
Lãi cho vay	501.803.257	377.623.889
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
Cung cấp dịch vụ	10.800.000	-
Sử dụng dịch vụ	77.740.910	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	2.379.000.000	1.982.500.000
Cho vay dài hạn	5.000.000.000	-
Nhận tiền trả gốc vay	1.465.955.264	939.639.472
Lãi cho vay	203.071.024	90.753.512
<i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
Sử dụng dịch vụ	453.826.171	520.082.727
Lợi nhuận được chia từ công ty con	690.802.000	228.650.277
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
Bán hàng hóa	3.030.843.888	2.915.562.285
Cung cấp dịch vụ	334.129.290	1.283.778.400
Sử dụng dịch vụ	15.685.056.681	17.462.909.359
<i>Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP</i>		
Bán hàng hóa	6.182.909.354	6.960.572.518
Cung cấp dịch vụ	7.921.432.772	10.161.235.377
Sử dụng dịch vụ	4.129.391.843	1.216.545.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	37.620.000.000	-
Nhận tiền trả gốc vay	20.908.694.424	1.000.000.000
Lãi cho vay	2.303.034.288	2.537.909.472

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh		
Góp vốn	-	13.400.000.000
Bán hàng hóa	6.889.189.918	3.792.880.734
Cung cấp dịch vụ	48.460.000	126.000.000
Sử dụng dịch vụ	13.121.265.927	2.028.449.755
Cho vay dài hạn	8.000.000.000	-
Nhận tiền trả gốc vay	7.222.222.222	-
Lãi cho vay	2.508.665.297	2.037.733.333
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	20.580.965.500	6.867.063.800
Sử dụng dịch vụ	53.426.862.498	31.190.451.791
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng		
Cổ tức	1.864.000.000	-
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	-	159.425.000
Sử dụng dịch vụ	553.099.300	871.977.440
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.900.730.241	1.969.720.226
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thưởng	2.650.000.000	2.228.000.000

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	50.104.940.000	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

